

Bản án số: 01/2018/HS-ST

Ngày 09-01-2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Mai.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Thanh Sơn;

Bà Dương Xuân Thanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Phan Minh Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 45/2017/TLST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2017/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Trung T**, sinh ngày: 19-10-1984, tại: tỉnh Hải Phòng; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và cư trú hiện nay: X/X/X Đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Số căn cước công dân số XXX; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1960; vợ Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1992; Con: có 01 người, sinh năm 2017; Tiền sự: Không có; Tiền án: Ngày 06-3-2012 bị Tòa án nhân dân Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 194; điểm o, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành án đến ngày 04-12-2012 thì được tạm đình chỉ. Ngày 27-6-2017 bị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu áp dụng điểm i Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm p Khoản 1 Điều 46; điểm g Khoản 1 Điều 48 và Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; áp dụng Điều 51 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt là 09 năm 09 tháng 07 ngày

tù. Ngày 28-9-2017 bị Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng điểm b, p Khoản 2 Điều 194; điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt là 17 năm 09 tháng 07 ngày tù, chưa chấp hành; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18-10-2017; ngày 07-11-2017 áp dụng biện pháp ngăn chặn khác chờ xử lý. Bị cáo có mặt.

**2. Lê Thị Ngọc Th;** sinh năm: 1997, tại: tỉnh Quảng Ngãi; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: thôn P, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú hiện nay: Số X, lầu C, dãy nhà D chung cư E, Đường H, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Số CMND: XXX; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1975 ; Chồng, con: không có; Tiền án, tiền sự: không có; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18-10-2017; ngày 07-11-2017 áp dụng biện pháp ngăn chặn khác chờ xử lý. Bị cáo có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào khoảng 16 giờ ngày 18-10-2017, tại chốt cảnh giới T, thuộc ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh, lực lượng Đoàn biên phòng Cửa khẩu Quốc tế M phát hiện Nguyễn Trung T và Lê Thị Ngọc Th nhập cảnh trái phép từ Campuchia vào Việt Nam có dấu hiệu nghi vấn nên tiến hành kiểm tra, phát hiện T mang theo số tiền 297.500.000 đồng và 3.500 USD, Th mang theo số tiền 289.000.000 đồng không khai báo Hải Quan nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng có liên quan. Vụ việc được chuyển giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Tây Ninh xử lý.

Qua điều tra, T và Th khai nhận: ngày 16-10-2017, T được anh ruột là Nguyễn Việt C cho số tiền 650.000.000 đồng, T cho Th 289.000.000 đồng và mang theo số tiền còn lại cùng Th sang Campuchia đánh bạc. Đến 16 giờ ngày 18-10-2017, T mang theo số tiền 297.500.000 đồng và 3.500 USD, Th mang theo số tiền 289.000.000 đồng nhập cảnh trái phép từ Campuchia vào Việt Nam nhưng không khai báo Hải quan số tiền trên nên bị lực lượng Đoàn biên phòng Cửa khẩu Quốc tế M bắt quả tang.

Tại kết luận giám định số 87/GT.2017 ngày 03-11-2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: 200 tờ tiền Việt Nam đồng mệnh giá 100.000 đồng, 400 tờ tiền Việt Nam đồng mệnh giá 200.000 đồng và 973 tờ tiền Việt Nam đồng mệnh giá 500.000 đồng là tiền thật.

Tại kết luận giám định số 3736/C54B ngày 06-12-2017 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 35 tờ tiền đô la Mỹ, mỗi tờ mệnh giá 100 USD là tiền thật.

Tại kết luận định giá số 52/KL-HĐĐG ngày 24-10-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, tỉnh Tây Ninh kết luận: số tiền 3.500 USD có giá trị là 79.380.000 đồng.

- Vật chứng:

Thu giữ của bị cáo Nguyễn Trung T gồm: 297.500.000 đồng tiền Việt Nam và 3.500 USD; 01 túi nilon màu đen; 01 ví màu đen; 01 túi xách màu đen; 01 túi màu nâu; 01 Điện thoại Iphone màu hồng; 01 Điện thoại Sam sung màu đen; 01 Máy tính bảng hiệu Samsung màu trắng; 01 căn cước công dân số XXX mang tên Nguyễn Trung T.

Thu giữ của bị cáo Lê Thị Ngọc Th gồm: 289.000.000 đồng tiền Việt Nam; 01 túi xách màu đen; 01 điện thoại hiệu Oppo màu hồng; 01 Giấy chứng minh nhân dân số XXX mang tên Lê Thị Ngọc Th.

Tại bản Cáo trạng số 01/QĐ - KSĐT ngày 22 tháng 12 năm 2017, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh đã truy tố Nguyễn Trung T về tội “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới” theo quy định tại điểm a, e khoản 2 Điều 154 của Bộ luật Hình sự; truy tố Lê Thị Ngọc Th về tội: “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới” theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 154 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Trung T và Lê Thị Ngọc Th đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, tuy tại thời điểm đưa ra xét xử các bị cáo Bộ luật Hình sự năm 2015 đã có hiệu lực pháp luật thi hành, nhưng tội: “Vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới” theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật Hình sự 2015 quy định có mức hình phạt nặng hơn Điều 154 của Bộ luật Hình sự 1999 nên không có lợi cho các bị cáo, áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội vẫn áp dụng Bộ luật Hình sự 1999 để xét xử các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung T và Lê Thị Ngọc Th phạm tội “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới”.

Áp dụng điểm a, e Khoản 2 Điều 154 của Bộ luật hình sự 1999; **điểm s Khoản 1 Điều 51** Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Trung T từ **02 đến 03 năm tù. Áp dụng Điều 56** Bộ luật Hình sự 2015 tổng hợp với hình phạt 17 năm 09 tháng 07 ngày tù của bản án số 300/2017 ngày 28-9-2017 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo T chấp hành hình phạt chung theo quy định pháp luật. Miễn hình **phạt bổ sung cho bị cáo T.**

Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 154 của Bộ luật hình sự 1999; **điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 35** Bộ luật hình sự 2015, xử phạt bị cáo Lê Thị Ngọc Th từ **10.000.000 đồng đến 15.000.0000 đồng.**

Đồng thời đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo T , bị cáo Th thống nhất với luận tội của luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo T, bị cáo Th đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bến Cầu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo thể hiện: Ngày 18-10-2017, Nguyễn Trung T mang theo số tiền 297.500.000 đồng và 3.500 USD tương đương 79.380.000 đồng; Lê Thị Ngọc Th mang theo số tiền 289.000.000 đồng nhập cảnh trái phép từ Campuchia vào Việt Nam không khai báo Hải Quan số tiền trên thì bị bắt quả tang. Do đó hành vi của bị cáo Nguyễn Trung T và Lê Thị Ngọc Th đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới”.

Tại thời điểm đưa ra xét xử các bị cáo Bộ luật Hình sự năm 2015 đã có hiệu lực pháp luật thi hành, so sánh tội: “Vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới” theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 189 của Bộ luật Hình sự 2015 quy định có mức hình phạt nặng hơn Khoản 1, Khoản 2 Điều 154 của Bộ luật Hình sự 1999 nên không có lợi cho các bị cáo. Căn cứ quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội “*về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật tố tụng Hình sự số 101/2015/QH13, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13*”, không áp dụng đối với những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử thì vẫn áp dụng quy định tương ứng của các văn bản quy phạm pháp luật về hình sự có hiệu lực trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 để giải quyết. Do vậy áp dụng Bộ luật Hình sự 1999 để xét xử các bị cáo, cụ thể bị cáo Nguyễn Trung T phạm tội: “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới” theo quy định tại điểm a, e Khoản 2 Điều 154 Bộ luật Hình sự 1999; bị cáo Lê Thị Ngọc Th phạm tội: “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới” theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 154 của Bộ luật Hình sự 1999 như luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

[3] Hành vi nêu trên của bị cáo T, bị cáo Th là nguy hiểm cho xã hội, bản thân của các bị cáo là người đã thành niên, các bị cáo phải biết khi xuất nhập cảnh phải tuân thủ các quy định của Nhà nước về việc xuất nhập cảnh, khai báo Hải quan về hàng hóa tiền tệ, nhưng các bị cáo không chấp hành. Ngày 18-10-2017 các bị cáo nhập cảnh từ Campuchia về Việt Nam qua đường tiểu

ngạch thuộc ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh, bị cáo T mang theo số tiền 297.500.000 đồng và 3.500 USD tương đương 79.380.000 đồng; Lê Thị Ngọc Th mang theo số tiền 289.000.000 đồng thì bị bắt quả tang.

Hành vi của các bị cáo gây mất trật tự trị an, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế nên cần xử lý để giáo dục răn đe các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[4] Khi quyết định hình phạt có xem xét:

+ Về tình tiết giảm nhẹ:

Đối với bị cáo Th phạm tội lần này là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại **điểm i, s** Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015.

Đối với bị cáo T trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có ông bà ngoại là người có công với Nước được tặng thưởng Huân chương, là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015.

+ Về tình tiết tăng nặng:

Bị cáo T, Th không chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tại phiên tòa đề nghị là có căn cứ, bởi lẽ: Bị cáo T có nhân thân xấu, tái phạm nguy hiểm, cho thấy bị cáo không có tính phục thiện do vậy cần áp dụng hình phạt tù để cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian, để cải tạo giáo dục cho bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội, biết chấp hành pháp luật; đối với bị cáo Th chưa có tiền án tiền sự, có địa chỉ rõ ràng, nhất thời phạm tội nên xử phạt bị cáo Th là hình phạt tiền cũng đủ răn đe giáo dục bị cáo.

Ngoài ra, xét thấy bị cáo T không có tài sản, nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo T.

[5] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ trong vụ án được xử lý như sau:

+ Đối với số tiền thu của Nguyễn Trung T là 297.500.000 đồng tiền Việt Nam và 3.500 USD và số tiền thu giữ của bị cáo Lê Thị Ngọc Th 289.000.000 đồng tiền Việt Nam là vật chứng do bị cáo vận chuyển trái phép qua biên giới nên tịch thu nộp Ngân sách Nhà Nước.

+ Đối với 01 túi nilon màu đen; 01 ví màu đen; 01 túi xách màu đen; 01 túi màu nâu của bị cáo T và 01 túi xách màu đen của bị cáo Th, các bị cáo sử dụng có liên quan đến việc phạm tội, không còn giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 Điện thoại Iphone màu hồng; 01 Điện thoại Sam sung màu đen; 01 Máy tính bảng hiệu Samsung màu trắng; 01 căn cước công dân số XXX

mang tên Nguyễn Trung T là tài sản và giấy tờ tùy thân không liên quan đến việc phạm tội nên tuyên trả cho bị cáo T. Tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ các tài sản trên để đảm bảo thi hành án.

+ Đối với 01 Điện thoại hiệu Oppo màu hồng; 01 Giấy chứng minh nhân dân số XXX mang tên Lê Thị Ngọc Th là tài sản và giấy tờ tùy thân, không liên quan đến việc phạm tội nên tuyên trả cho bị cáo Th. Tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ tài sản trên để đảm bảo thi hành án.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Trung T và Lê Thị Ngọc Th phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Trung T, Lê Thị Ngọc Th** phạm tội: “*Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới*”.

- Áp dụng điểm a, e Khoản 2 Điều 154 của Bộ luật Hình sự 1999; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung T **03 (ba) năm tù**. Tổng hợp với hình phạt 17 năm 09 tháng 07 ngày tù của Bản án số 300/2017 ngày 28-9-2017 của Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo T chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 20 năm 09 tháng 07 ngày tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 01-01-2017 đến ngày 17-01-2017; thời gian tạm giam từ ngày 20-04-2017 đến ngày 31-5-2017 và thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18-10-2017 đến ngày 07-11-2017) vào thời gian chấp hành án.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Trung T.

- Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 154 của Bộ luật Hình sự 1999; điểm i, s Khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Ngọc Th số tiền 15.000.000 (*mười lăm triệu*) đồng sung ngân sách Nhà nước.

*Bị cáo Th phải thi hành nộp số tiền trên trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu quá hạn này mà chưa thi hành thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.*

2. Vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung nộp Ngân sách Nhà Nước số tiền thu của bị cáo Nguyễn Trung T là 297.500.000 (*hai trăm chín mươi bảy triệu năm trăm nghìn*) đồng tiền Việt Nam và 3.500 (*ba nghìn năm trăm*) USD và số tiền thu giữ của bị cáo Lê Thị Ngọc Th 289.000.000 (*hai trăm tám mươi chín triệu*) đồng tiền Việt Nam.

- Tịch thu tiêu hủy 01 túi nilon màu đen; 01 ví màu đen; 01 túi xách màu đen; 01 túi màu nâu của bị cáo T và 01 túi xách màu đen của bị cáo Th.

- Trả lại cho bị cáo T: 01 Điện thoại Iphone màu hồng, số IMEI: 355689074675XXX đang sử dụng; 01 Điện thoại Sam sung màu đen, số IMEI: 357156081931XXX đang sử dụng; 01 Máy tính bảng hiệu Samsung màu trắng số IMEI 358450070322XXX đang sử dụng; 01 căn cước công dân số XXX mang tên Nguyễn Trung T cấp ngày 20-12-2016 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp.

- Trả lại cho bị cáo Th: 01 điện thoại hiệu Oppo màu hồng, số IMEI 1: 861230036853XXX, số IMEI 2: 861230036853XXX; 01 Giấy chứng minh nhân dân số XXX mang tên Lê Thị Ngọc Th cấp ngày 03-02-2017 do Công an Quảng Ngãi cấp.

Tiếp tục tạm giữ 02 điện thoại di động và 01 máy tính của bị cáo T; 01 điện thoại của bị cáo Th để đảm bảo thi hành án đối với các bị cáo.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 26-12-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh.)

**3. Về án phí:** Áp dụng Điều 98 và 99 Bộ luật Hình sự, bị cáo T, bị cáo Th phải chịu mỗi bị cáo 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án hình sự sơ thẩm xử công khai, báo cho bị cáo T và bị cáo Th biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- CA huyện Bến Cầu;
- Chi Cục THADS huyện Bến Cầu;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hoàng Mai**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

.....

.....

**Nguyễn Hoàng Mai**